TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi
2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 595/2020/TLST- HNGĐ về việc: "*Ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, Quyết định Hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST - HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố PT, BT.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố E, phường F, thành phố PT, BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 30/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh A trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn D tự nguyện tìm hiểu sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố PT, tỉnh BT vào ngày 10/10/2007, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110.

Sau khi kết hôn, từ 2011 ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông D thường xuyên nhậu nhẹt, cá độ và sử dụng ma túy, ông bà đạ tự sống riêng từ năm 2015, nay bà cảm thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với ông D, bà muốn được giải thoát cho mình nên tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D để bà ổn định cuộc sống, làm ăn nuôi con, bà xác định

tình cảm vợ chồng đã hết, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn D.

Về con chung: ông bà có một con chung là Huỳnh Thanh F, (giới tính: nam), sinh ngày: 21/01/2007, nguyện vọng sau ly hôn bà muốn được trực tiếp nuôi con sau ly hôn và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn D vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải, nên không có bản tự khai, Tòa án không thu thập được lời khai, không hòa giải được.*

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, bà Nguyễn Thị Thanh A được ly hôn ông Huỳnh Văn D; về con chung: giao con chung Huỳnh Thanh F, (giới tính: nam), sinh ngày: 21/01/2007 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí bà Nguyễn Thị Thanh A phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Thanh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn D có nơi cư trú tại thành phố PT; về con chung, ông bà có 01 con chung là Huỳnh Thanh F, (giới tính: nam), sinh ngày: 21/01/2007 bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện "Ly hôn, nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố PT quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Nguyễn Thị Thanh A và ông Huỳnh Văn D ông tự nguyện tìm hiểu sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố PT, tỉnh BT vào ngày 10/10/2007, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà A cho rằng, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không mang lại hạnh phúc cho nhau, ông D thường xuyên nhậu nhẹt, cá độ và sử dụng ma túy, nay bà cảm thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với ông D, bà muốn được giải thoát cho mình, ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông D theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2]. Về con chung: ông bà có 01 con chung là Huỳnh Thanh F, (giới tính: nam), sinh ngày: 21/01/2007, bà A yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: bà A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tạm ứng án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh A đối với ông Huỳnh Văn D; bà Nguyễn Thị Thanh A được ly hôn ông Huỳnh Văn D.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là Huỳnh Thanh F, (giới tính: nam), sinh ngày: 21/01/2007.

Giao con chung Huỳnh Thanh F cho bà Nguyễn Thị Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Văn D được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà Nguyễn Thị Thanh A không được ngăn cản ông D trong việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Nguyễn Thị Thanh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn Thị Thanh A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự về Hôn nhân gia đình sơ thẩm tại biên lai thu số 0008128, ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT, bà A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh A được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/01/2021). Bị đơn ông Huỳnh Thanh D vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND nơi các đương sự ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Ngọc